TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST Ngày: 10/8/2023 V/v: "Ly hôn giữa chị L và anh T"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yến

Ông Nguyễn Thế Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diệu L, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

Nơi ở: Xóm 1, thôn Cốc, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Đoàn Hữu T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Diệu L trình bày: Chị và anh Đoàn Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 28 tháng 9 năm 2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung. Năm 2019 anh T ghen tuông vô cớ, bạo lực gia đình với chị nên trong lúc hoảng sợ lên cơn co giật và cắt tay. Đến năm 2022 do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu dẫn đến việc chị tự tử không thành, anh T lại tiếp tục đánh chửi chị. Từ

tháng 4 năm 2023 đến nay vợ chồng chị ly thân do mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đoàn Thị C, sinh ngày 04/4/2017 và Đoàn Hữu T, sinh ngày 28/5/2020 hiện hai con đang ở cùng với anh T. Khi ly hôn, hai vợ chồng mỗi người nuôi một con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Diệu L vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Đoàn Hữu T trình bày: Anh và chị Trần Thị Diệu L kết hôn năm 2016 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, không có bạo lực gia đình như chị L trình bày. Tuy nhiên, năm 2019 do chị L bị bùng phường vàng nên đã cắt tay tự tử; đến cuối năm 2022 vì mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu nên chị L lại định uống thuốc sâu tự tử nhưng không thành. Chị L có vấn đề về tâm lý nên mâu thuẫn vợ chồng mới trầm trọng chứ anh không đánh chị L. Từ tháng 4 năm 2023 chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở nên vợ chồng ly thân. Nay chị L xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: vợ chồng anh có hai con chung là Đoàn Thị C, sinh ngày 04/4/2017 và Đoàn Hữu T, sinh ngày 28/5/2020 hiện 2 con đang ở cùng với anh. Khi ly hôn anh muốn được tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Trường hợp nếu anh không được nuôi hai con thì anh muốn được nuôi cháu Đoàn Hữu T, chị L nuôi cháu Đoàn Thị C.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: anh Đoàn Hữu T vắng mặt

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật TTDS; điều 6, khoản 1 điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Diệu L. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Diệu L và anh Đoàn Hữu T.

2.Về con chung: Giao con chung Đoàn Hữu T, sinh ngày 28/5/2020 cho anh Đoàn Hữu T tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung Đoàn Thị C, sinh ngày 04/4/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí DSST: Chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4.Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Diệu L và anh Đoàn Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Diệu L và anh Đoàn Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 28 tháng 9 năm 2016; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh T nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau, giữa chị L và mẹ anh T thường xuyên có bất đồng. Từ tháng 4 năm 2023 đến nay chị L và anh T ly thân, hai bên không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh T nhất trí.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Diệu L và anh Đoàn Hữu T đã mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Diệu L đối với anh Đoàn Hữu T.

[4] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Trần Thị Diệu L và anh Đoàn Hữu T có hai con chung là Đoàn Thị C, sinh ngày 04/4/2017 và Đoàn Hữu T, sinh ngày 28/5/2020. Hiện nay cả 2 con chung đều ở cùng anh T. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng của các bên đương sự và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử thấy: nên giao con chung Đoàn Thị C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung cháu Đoàn Hữu T cho anh Đoàn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản: Chị Trần Thị Diệu L và anh Đoàn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Diệu L phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Diệu L, anh Đoàn Hữu T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1.*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Diệu L và anh Đoàn Hữu T

2.Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung Đoàn Hữu T, sinh ngày 28/5/2020 cho anh Đoàn Hữu T tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung Đoàn Thị C, sinh ngày 04/4/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh T có nghĩa vụ giao con chung Đoàn Thị C cho chị Trần Thị Diệu L nuôi dưỡng.

3.Về án phí: Chị Trần Thị Diệu L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 0000522 ngày 01 tháng 6 năm 2023.

4.*Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị Diệu L, anh Đoàn Hữu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện N: 01 bản
- UBND xã Đ: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP

Bùi Xuân Thọ